| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TP TN**<br>**TỈNH TN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **134**/2023/DS-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Trọng Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phú.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2023/QĐXXST-DS ngày 06-9-2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà $20^{A}$ hẻm 23 đường Ngô Quyền, tổ 03, ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh TN.

*Bị đơn:* Anh Trần Bạch Hải V, sinh năm 1983 và chị Lê Ngọc D, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 205 đường 12 A, ấp TT, xã TB, tp TN, tỉnh TN.

Chị H có mặt; anh V, chị D vắng mặt không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2023, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H trình bày*:

Tôi và anh V, chị D có mối quan hệ họ hàng là bà con cô cậu ruột với nhau nên tôi có cho vợ chồng anh V, chị D vay tiền như sau:

Lần 01: Vào ngày 15-6-2020 DL, tôi có cho chị Lê Ngọc D vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để dùng vào việc mua bán đất, khi vay chị D có ký giấy mượn tiền (do tôi viết) và trong giấy này chỉ có một mình chị D ký tên và ghi họ tên. Thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất do hai bên thỏa thuận ngoài giấy vay tiền là 1,5 %/tháng, có lấy lãi được 1-2 lần nhưng tôi không nhớ rõ.

Lần 02: Vào ngày 09-3-2022 AL (09-4-2023 dương lịch), tôi có cho chị Lê Ngọc D, anh Trần Bạch Hải V vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là để dùng vào việc mua bán đất, khi vay chị D, anh V có ký giấy mượn tiền (do tôi viết) và anh V, chị D tự ký tên và ghi họ tên. Thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Lãi 1,5 %/tháng, có lấy lãi được 1 lần nhưng tôi không nhớ rõ.

Lần 03: Vào ngày 28-9-2022 AL (23-10-2022 dương lịch), tôi có cho chị Lê Ngọc D vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay là để mua bán đất, khi vay chị D có ký giấy mượn tiền (do tôi viết chữ Lê Ngọc D) phần còn lại do D tự ghi và tự ký tên ghi họ tên. Thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất do hai bên thỏa thuận, lãi 1,5 %/tháng, có lấy lãi được 1-2 lần nhưng tôi không nhớ rõ.

Các lần vay không có thế chấp tài sản để làm tin, tổng cộng 03 lần vay với số tiền 250.000.000 đồng.

Ngoài ra còn anh V, chị D còn tham gia hụi tôi; cụ thể như sau.

* Dây hụi thứ nhất: Khui ngày 25-9-2021 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, có 24 người tham gia, chị D tham gia 02 chân hụi. Dây hụi này đến nay chưa mãn hụi.

Chị D hốt hụi lần thứ nhất vào ngày 28-9-2021 âm lịch, kêu số tiền 1.300.000 đồng, đăng hụi với số tiền 82.600.000 đồng (đã trừ tiền cò), đã góp (đóng) hụi chết được 17 lần hụi chết. Hiện còn nợ lại 6 lần hụi chết số tiền 30.000.000 đồng.

Chị D hốt hụi lần thứ bảy vào ngày 28-3-2022 âm lịch, kêu 1.000.000 đồng, hốt hụi với số tiền 95.500.000 đồng, đã góp (đóng) hụi chết được 11 lần hụi chết. Hiện còn nợ lại 6 lần hụi chết số tiền 30.000.000 đồng.

* Dây thứ hai: Khui ngày 15-4-2022 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, có 25 người tham gia, chị D tham gia 02 chân hụi. Dây hụi này đến nay chưa mãn hụi.

Chị D hốt hụi lần thứ ba vào ngày 15-6-2022 âm lịch (đăng hụi ngày 18-6-2022 âm lịch), kêu 1.200.000 đồng, hốt hụi với số tiền 91.100.000 đồng X 02 chân = 182.200.000 đồng. Chị D hốt đúp 02 chân trong 01 tháng.

Đã góp (đóng) hụi chết được 08 lần X2 chân = 80.000.000 đồng. Hiện còn nợ lại số tiền hụi chết 130.000.000 đồng

Tổng số tiền hụi còn nợ là 190.000.000 đồng.

Nay ra tòa, tôi yêu cầu vợ chồng anh V, chị D trả cho tôi số tiền nợ hụi là 190.000.000 đồng tôi không yêu cầu tính lãi;

Tại phiên tòa, Chị H rút lại một phần lãi nợ vay 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật; lãi được tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử như sau:

Ngày thụ lý 19-4-2023 đến ngày xét xử 26-9-2023 là 05 tháng 07 ngày:

250.000.000 đồng X 0,83%/tháng X 5 tháng 7 ngày = 10.859.162 đồng

Tổng cộng lãi là 10.859.162 đồng, làm tròn số 10.859.000 đồng.

*Bị đơn anh Trần Bạch Hải V và chị Lê Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa nên không có lời trình bày.*

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H về việc yêu cầu anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D trả số tiền vay gốc: 100.000.000 đồng và lãi 4.343.600 đồng; chị Lê Ngọc D trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và lãi 6.515.400 đồng.

Anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D có nghĩa vụ trả nợ hụi số tiền 160.000.000 đồng. Chị Lê Ngọc D có nghĩa vụ trả nợ hụi số tiền 30.000.000 đồng; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Bị đơn Anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 250.000.000 đồng và số tiền hụi 190.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463; 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 205 đường

12 A, ấp TT, xã TB, tp TN, tỉnh TN. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D trả số tiền vay 250.000.000 đồng thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án "giấy mượn tiền đề ngày 15-6-2020; giấy mượn tiền ngày 28-9-2022 AL có chữ ký và chữ viết của chị Lê Ngọc D;" giấy mượn tiền đề ngày 09-3-2022 có chữ ký và chữ viết của anh V, chị D. Hội đồng xét xử thấy việc vay mượn tiền của chị D, anh V đối với Chị H là có thật nên ghi nhận.

[3.2] Nguyên đơn cung cấp "02 Hợp đồng tham gia hụi 5 triệu ngày 15-4-2022 âl có chữ ký và chữ viết của chị D anh V; 01 Hợp đồng tham gia hụi 5 triệu ngày 25-9-2021 âl có chữ ký và chữ viết của chị D anh V". 01 Hợp đồng tham gia hụi 5 triệu ngày 25-9-2021 âl có chữ ký và chữ viết của chị D.

Các lần hốt hụi thể hiện ngày anh V, chị D hốt hụi, việc tham gia hụi giữa anh V, chị D và Chị H là có thật nên ghi nhận.

[3.3] Anh V, chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không cung cấp cho Tòa án lời trình bày về tiền vay nên không có căn cứ để xác định anh V, chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay và nợ hụi. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tiền vay 250.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Chị H đồng ý tính lãi từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Hội đồng xét xử so sánh, đối chiếu với số hụi viên, ngày khui hụi, ngày hốt hụi thì thấy rằng. Việc tham gia hụi của anh V, chị D là có thật, đã hốt hụi xong và phải có nghĩa vụ góp (đóng) hụi chết cho đến khi mãn hụi. Anh V, chị D vi phạm nghĩa vụ góp hụi chết vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc anh V, chị D trả số tiền hụi nêu trên.

[4] Chị D và anh V ký tên trong các giấy nhận hụi và giấy mượn tiền, vì vậy Hội đồng cần buộc anh V, chị D cùng có nghĩa vụ trả số nợ vay và nợ hụi cho chị Phạm Thị Kim H.

[5] Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN buộc anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Kim H số tiền vay gốc 100.000.000 đồng, lãi 4.343.600 đồng; tiền hụi 160.000.000 đồng.

Chị Lê Ngọc D có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Kim H số tiền vay gốc 150.000.000 đồng, lãi 6.515.400 đồng; tiền hụi 30.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

chị Phạm Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị H.

Anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.217.180 đồng. Làm tròn số 13.217.000 đồng.

Chị Lê Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.325.770 đồng, làm tròn số 9.326.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H đối với anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

1.1 Buộc anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị Phạm Thị Kim H số tiền nợ vay gốc 100.000.000 đồng và lãi 4.343.600 đồng và nợ hụi là 160.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay, lãi và tiền hụi là 264.343.600 (Hai trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm) đồng.

1.2 Chị Lê Ngọc D có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị Phạm Thị Kim H số tiền nợ vay gốc 150.000.000 đồng và lãi 6.515.400 đồng và nợ hụi là 30.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay, lãi và tiền hụi là 186.515.400 (Một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn, bốn trăm) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Phạm Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí 10.800.000 (Mười triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001975 ngày 19-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN, tỉnh TN.

2.2. Anh Trần Bạch Hải V, chị Lê Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.217.000 (Mười ba triệu, hai trăm mười bảy nghìn) đồng.

2.3 Chị Lê Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.326.000 (Chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Trần Trọng Nghĩa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.